Tiết 11-12

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. Kiến thức :**

a/ Nhận biết: Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

b/ Thông hiểu: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về về một bài thơ, đoạn thơ;

c/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận về về một bài thơ, đoạn thơ;

d/Vận dụng cao:Sử dụng đúng phong cách ngôn ngữ văn học, diễn đạt trôi chảy để tạo lập văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

**II. Kĩ năng :**

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

b/ Thông thạo: các bước phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**III.Thái độ :**

a/ Hình thành thói quen: phân tích đề, lập dàn ý bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về về một đoạn thơ, bài thơ

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của việc thực hiện các thao tác nghị luận trong bài văn nghị luận văn học

-Có ý thức tìm tòi về kiểu bài nghị luận văn học .

**IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực phân tích, so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**B. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

*1. Giáo viên:*

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

*2. Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Nôi dung cần đạt*** |
| - B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:  *Đề bài nào sau đây thuộc kiểu bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ?* a. Suy nghĩ về câu tục ngữ :"Lá lành đùm lá rách" b. Lòng nhân ái c. Cảm nhận của anh/ chị về bài thơ Đồng Chí (Chính Hữu)  d. Về những dòng sông bị ô nhiễm hiện nay.  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ:  - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - B4: GV nhận xét từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Ở chương trình Ngữ văn 9,10,11, các em đã từng nắm lí thuyết và thực hành những bài làm văn mà đối tượng chính là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ . Qua bài trắc nghiệm trên, chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn dạng bài nghị luận văn học này. | trả lời: c |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề vầ lập dàn ý (10 phút).** | | |
| - **B1**: GV chuyển giao nhiệm vụ  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1,3:**  Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề 1  *- Khi tìm hiểu đề, ta cần xác định những vấn đề gì?*  *- Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?*  *- Vấn đề cần giải quyết, làm rõ trong bài viết là gì?*  *- Phần mở bài ta cần giới thiệu những gì?*  *- Phần thân bài ta cần làm rõ điều gì trước tiên?*  *- Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm trăng khuya được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào? Gợi lên những điều gì?*  *- Hình ảnh nổi bật nhất trong bài thơ là hình ảnh gì?*  *- Nhân vật trữ tình trong bài thơ có gì khác hình ảnh ẩn sĩ trong thơ cổ?*  *- Vì sao lại nói bài thơ vừa có tính chất cổ điển, vừa hiện đại?*  *- Nêu nhận đinh chung về giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ?*  *- Khẳng định lại những giá trị bài thơ?*  **Nhóm 2,4:**  Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 2  Gợi ý:  *- Khi tìm hiểu đề trong đề bài này, ta cần xác định những vấn đề gì?*  *- Mở bài, ta cần giới thiệu điều gì? Có gì khác với cách giới thiệu về một bài thơ?*  *- Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào trong 8 câu thơ đầu?*  *- Khí thế hiện lên như thế nào?*  *- Khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau) được diễn đạt bởi những thủ pháp nghệ thuật nào?*  *- Khí thế đó tạo nên điều gì cho bức tranh công cuộc kháng chiến chống Pháp?*  *- Hệ thống từ ngữ nào đã được vận dụng trong đoạn thơ?*  *- Nhà thơ còn vận dụng những biện pháp tu từ nào?*  *- Giọng thơ của đoạn thơ có âm hưởng như thế nào?*  *- Hãy nêu ý để chốt lại đoạn thơ?*  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ:  - B3: HS báo cáo sản phẩm  Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác theo dõi, góp ý.  **Nhóm 1,3:**  a. Tìm hiểu đề:  - Hoàn cảnh ra đời:  + Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp  + Địa điểm là vùng chiến khu Việt Bắc.  + Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến đầy gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của nhân dân ta.  - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:  + Từ phân tích vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Việt Bắc thấy được vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vẻ đẹp của thơ ca Hồ Chí Minh.  + Từ vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của cuộc kháng chiến để thấy được vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam – sự tất thắng của cuộc kháng chiến.  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  - Giới thiệu bài thơ (hoàn cảnh sáng tác)  - Nhận định chung về bài thơ (Định hướng giải quyết)  \* Thân bài:  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc:  + Thủ pháp so sánh: *Tiếng suối trong như­ tiếng hát xa”*  🡪 tiếng suối cộng hưởng với tiếng người, tiếng đời tươi trẻ, vang vọng tràn đầy niềm tin  + Hình ảnh: *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*  🡪 Điệp từ *lồng*: tạo nên hình ảnh huyền ảo, lung linh, thơ mộng  => Cảnh vật mang vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng 🡪 tâm hồn yêu thiên nhiên của Bác.  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp tâm hồn thi nhân qua hình ảnh nhân vật trữ tình:  + Nổi bật giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng lo *nỗi nước nhà*.  🡪 tấm lòng yêu nước sâu sắc của Bác.  + Khác với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần  🡪 Tinh thần ung dung tự tại lo việc nước, tràn đầy sự lạc quan, kiên định và tất thắng  - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại:  + Tính cổ điển: thể thơ Đường luật, những hình ảnh thiên nhiên *tiếng suối, trăng, cổ thụ, hoa*.  + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: thi sĩ - chiến sĩ, *lo nỗi nước nhà*, sự phá cách trong hai câu cuối (không tuân thủ luật đối)  - Nhận định giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ:  + Tư tưởng: Tình yêu thiên nhiên, đất nước sâu đậm  + Nghệ thuật: cổ điển và hiện đại  \* Kết bài:  - Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ: Mang cốt cách thanh cao, tấm lòng vì nước vì dân, khí chất ung dung của vị lãnh tụ  - Đây là một trong những bài thơ hay của Bác  **Nhóm 2,4:**  a. Tìm hiểu đề:  - Yêu cầu kiểu đề: phân tích một đoạn thơ.  - Yêu cầu về nội dung: Làm rõ hai vấn đề:  + Khí thế dũng mãnh và khí thế chiến thắng của quân ta trên khắp chiến trường  + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo của đoạn thơ  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.  - Nêu xuất xứ đoạn trích  - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích  \* Thân bài:  - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):  + Nghệ thuật: Sử dụng từ láy (*rầm rập, điệp điệp trùng trùng*), so sánh (*Đêm đêm rầm rập như là đất rung*), hoán dụ (*mũ nan*), cường điệu (*bước chân nát đá*), đối lập (*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày >< Đèn pha bật sáng như ngày mai lên)*  + Nội dung: Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia (dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới), hình ảnh con đường bộ đội hành quân, dân công đi tiếp viện, đoàn quân ô tô quân sự nối tiếp nhau...  - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):  + Nghệ thuật: Điệp từ *vui*, biện pháp liệt kê các địa danh của mọi miền đất nước  + Nội dung: Tin vui chiến thắng đồn dập bay về, vì Việt Bắc là thủ đô, là đầu não của cuộc kháng chiến. Niềm vui của đất nước hoà cùng Việt Bắc tạo nên bức tranh kháng chiến thắng lợi toàn diện và toàn vẹn.  - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:  Rất điêu luyện trong việc sử dụng thể thơ lục bát  + Các từ láy, động từ (*rầm rập, rung, nát đá, lửa bay*), tính từ gợi tả (*Quân đi điệp điệp trùng trùng, Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan, Dân công đỏ đuốc từng đoàn, Nghìn đêm thăm thẳm sương dày, Đèn pha bật sáng*)...  + Các biện pháp tu từ: so sánh, hoán dụ, cường điệu, trùng điệp...  + Giọng thơ: âm vang, sôi nổi, hào hùng  *c. Kết bài:*  Đoạn thơ ngắn như thể hiện được không khí của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta một cách cụ thể, sinh động. | | **I. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:**  **Đề 1: Phân tích bài thơ "*Cảnh khuya*" của Hồ Chí Minh**.  a. Tìm hiểu đề:  - Hoàn cảnh ra đời:  - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  \* Thân bài:  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc    - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại:  + Tính cổ điển:  + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình:  - Nhận định giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ:  + Tư tưởng:  + Nghệ thuật:  \* Kết bài:  **2. Thực hành đề 2 :**  **Phân tích đoạn thơ trong bài "*Việt Bắc*" của Tố Hữu**  a. Tìm hiểu đề:  - Yêu cầu kiểu đề:  - Yêu cầu về nội dung:  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.  - Nêu xuất xứ đoạn trích  - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích  \* Thân bài:  - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):  + Nghệ thuật:  + Nội dung:  - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):  + Nghệ thuật:  + Nội dung:  - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:  c. Kết bài: |
| **2. GV HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI( 10 PHÚT)** | | |
| - **B1**: GV chuyển giao nhiêm vụ  Tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ  *- Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?*  *- Em có nhận xét gì về đối tượng nghị luận về thơ? Xuất phát từ điều này, chúng ta cần phải thao tác như thế nào khi nghị luận?*  *- Nội dung cơ bản của một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?*  - **B2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - **B3:** HS báo cáo sản phẩm  - Đặc điểm : Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.  - Đối tượng: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ... Cách làm: cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, cấu tứ...  - Nội dung:  + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ  + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ  + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ. | | **II. Đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:**  - Đặc điểm :  - Đối tượng:  - Nội dung:  + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ  + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ  + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ |
| **3. GV Hướng dẫn HS làm bài tập phẩn** **luyện tập** (15 PHÚT) | | |
| - B1: GV: Chia lớp làm 4 nhóm.  **-** Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 15 phút.  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ  - B3: HS báo cáo sản phẩm  - B4: GV: Chốt lại các ý đúng.  \* Mở bài:  - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ  - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ  - Nhận xét chung về khổ thơ  - Dẫn văn bản khổ thơ  \* Thân bài:  - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối  - Phân tích hai câu thơ đầu  - Phân tích hai câu thơ cuối  - Một vài nét về nghệ thuật  + Thôi Hiệu:  *Quê hương khuất bóng hoàng hôn*  *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai* (Hoàng Hạc Lâu)  + Huy Cận:  *Lòng quê dơn dợn vời con nước*  *Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà* | **II. Luyện tập**  *1. Mở bài:*  - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ:  Từ cảm hứng trước một buổi chiều đìu hiu, văng lặng buồn, khi lặng ngắm sông Hồng ngoại thành Hà Nội  - Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ:  Khổ cuối trong bài thơ *Tràng giang*  - Nhận xét chung về khổ thơ:  Một bài thơ buồn – đẹp vào bậc nhất của Huy Cận, của văn học lãng mạn Việt Nam  - Dẫn văn bản khổ thơ  *2. Thân bài:*  - Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối:  + Nhận xét: Thơ Huy Cận trước CMTT là nỗi buồn của thế hệ thanh niên mất nước, tương lai mờ mịt. Bài thơ mở vào khoảng trời đất cao rộng, vắng lặng để nỗi buồn thấm sâu tận cõi lòng  + Phân tích ba khổ đầu bài thơ: .  Cảnh buồn mênh mang, tâm hồn cô đơn không nguồn san sẻ (*sóng gợn tràng giang, sông dài trời rộng, mênh mang* sông nước với tâm trạng, tâm tình *sầu trăm ngả, cô liêu, không chút niềm thân mật* )  - Phân tích hai câu thơ đầu: Trong ba khổ thơ trước: buồn trải ra xa, trong khổ cuối: buồn lên cao trong cánh chim nhỏ và dường như nhiều bơ vơ, không tìm ra phương hướng trong buổi chiều tắt nắng  - Phân tích hai câu thơ cuối:  + Cảnh hoàn toàn không còn dấu người. Ở thời điểm này, quê hương là nơi neo đậu của lòng người. Câu thơ buồn nhưng sáng lên tình yêu quê hương đất nước sâu đậm.  - Một vài nét về nghệ thuật:  + Mượn một số cách diến đạt thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng của Huy Cận:  o Các hình ảnh: *mây cao đùn núi bạc, chim nghêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà...* đậm chất thơ Đường  o Nét riêng: cách dùng từ láy (*lớp lớp, dợn dợn)*, cảm xúc lãng mạn tinh tế (*chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*), cách nói ngược so với thơ Đường (*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*)  + Âm hưởng Đương thi cộng với những hình ảnh cô đơn, nỗi buồn thế hệ tạo nên vẻ đẹp cổ điển, hiện đại của khổ thơ, bài thơ.  *3. Kết bài:*  Tổng hợp chung:  - Đoạn thơ có nét cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi nhưng vẫn giữ được cái hồn Việt Nam  - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu đậm của tác giả. | |

**🕮 3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **-B1:** GV giao nhiệm vụ:  **Câu hỏi 1:** Dòng nào dưới đây nêu không đúng nội dung thường có của một bài văn nghị luận về thơ? a. Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.  b. Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ. c. Những sự kiện xung quanh sự ra đời của bài thơ  d. Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ.  **Câu hỏi 2:** Thao tác nào dưới đây ít được sử dụng trong khi nghị luận về thơ? a. Thao tác phân tích  b. Thao tác bình luận  c. Thao tác chứng minh  d. Thao tác bác bỏ.  **Câu hỏi 3:** Trong phần mở đầu của bài nghị luận về một bài thơ , cần phải đạt được yêu cầu gì? a. Giới thiệu một cách khái quát về bài thơ, đoạn thơ  b. Trình bày được hoàn cảnh ra đời của bài thơ, đoạn thơ  c. Nêu đánh giá của mình về bài thơ, đoạn thơ. d. Chỉ ra thành công nghệ thuật của mình về bài thơ, đoạn thơ.  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ:  - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức | c. Những sự kiện xung quanh sự ra đời của bài thơ  d. Thao tác bác bỏ.  a. Giới thiệu một cách khái quát về bài thơ, đoạn thơ |

**🕮 4.VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **-B1:** GV giao nhiệm vụ:  *Phân tích bài thơ “Tự tình” (II) của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.*  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ  - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **-** B4: GV nhận xét, chốt kiến thức | **Tìm hiểu đề**   1. **Dạng đề :** Phân tích một bài thơ. 2. **Yêu cầu của đề:**  * Yêu cầu về nội dung : Làm rõ nội dung, nghệ thuật của bài thơ. * Yêu cầu về thao tác : Phân tích là thao tác chính, cần kết hợp các thao tác khác như:   chứng minh, bình luận, so sánh…   * Yêu cầu về tư liệu : Tư liệu chính là những câu thơ trong bài thơ đã cho, tư liệu có liên quan để bổ sung cho ý phân tích.   **Lập dàn ý**  **I. Mở bài :** Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương, dẫn vào bài thơ “Tự tình” (II). Nêu vấn đề: Bài thơ có giá trị sâu sắc về nội dung và nghệ thuật, trích bài thơ.   * 1. **Thân bài :**  1. **Khái quát :** Nêu xuất xứ, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục bài thơ, nội dung chính của bài thơ. 2. **Phân tích nội dung, nghệ thuật bài thơ :** Các ý chính cần phân tích   **a. Hai câu đề :**  \* Phân tích:   * Câu 1: Khắc họa thời gian nghệ thuật : “đêm khuya”; từ láy “văng vẳng”; nghệ thuật lấy động tả tĩnh. * Câu 2 : Đảo ngữ nhấn mạnh từ “trơ”; kết hợp từ độc đáo “cái hồng nhan”; đối lập cái cá nhân nhỏ bé với cái rộng lớn (“cái hồng nhan” đối với “nước non”).   \* Làm rõ : Bối cảnh không gian, thời gian và tâm trạng cô đơn, buồn tủi, bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.  **b. Hai câu thực :**  \* Phân tích : Phép đối (câu 3 với câu 4); cụm từ “say lại tỉnh”; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (sự tương quan giữa hình ảnh vầng trăng và thân phận nữ sĩ).  \* Làm rõ : Gợi lên hình ảnh người phụ nữ trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng, với nỗi chán chường, đau đớn, ê chề.  **c. Hai câu luận:**  **\* Phân tích** : Phép đối (câu 5 với câu 6); phép đảo; động từ mạnh (“xiên ngang”, “đâm toạc”); nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.  **\* Làm rõ :** cảnh thiên nhiên trong cảm nhận của người mang sẵn nỗi niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.  **d. Hai câu kết:**  **\* Phân tích** : Ngôn ngữ đời thường giản dị, tự nhiên; lặp từ; nghệ thuật tăng tiến.  **\* Làm rõ** : Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc – cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.  **e. Nghệ thuật cả bài thơ** : Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh ngụ tình; phép đối, đảo; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.  **III.** **Kết bài:**  Kết luận về nội dung, nghệ thuật và nêu ý nghĩa bài thơ. |

**🕮5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- B1:** GV giao nhiệm vụ:  1. Phân tích đề, lập dàn ý cho đề bài: Vẻ đẹp bài thơ *Từ ấy* của Tố Hữu.  2. Tóm tắt cấu trúc dàn ý nghị luận bề một bài thơ, đoạn thơ.  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ:  - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **-** B4: GV nhận xét, chốt kiến thức | 1. Biết cách tìm hiểu đề và lập dàn ý. Trọng tâm là vẻ đẹp nội dung và vẻ đẹp nghệ thuật của bài thơ; 2. Cấu trúc 3 phần |

Củng cố : Nắm được nội dung của bai

Dặn dò: học bài cũ và soạn bài mới: Tây tiến

Rút kinh nghiệm:

Tiết 13-14-15

**TÂY TIẾN**

**(Quang Dũng)**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. Kiến thức :**

a/ Nhận biết: Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

b/ Thông hiểu:Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

c/Vận dụng thấp:Phân tích được nội dung nghệ thuật của bài thơ

d/Vận dụng cao:So sánh nét tương đồng và dị biệt giữa các chi tiết, hình ảnh thơ trong các đoạn thơ cùng chủ đề.

**II. Kĩ năng :**

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ Tây Tiến

b/ Thông thạo: đọc diễn cảm , cảm nhận một tác phẩm trữ tình

**III.Thái độ :**

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản trữ tình

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác gia, tác phẩm văn học

c/Hình thành nhân cách: có tinh thần cảm phục, ngưỡng mộ người lính; ý thức trách nhiệm công dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**IV. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.

+ Năng lực đọc – hiểu thơ hiện đại Việt Nam theo đặc điểm thể loại.

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

***B. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh***

*1. Giáo viên:*

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 12, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa, Micorosoft teams...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi, khăn phủ bàn...

*2. Học sinh:* Sách giáo khoa, bài soạn.

**D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC**

**🕮 1. KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| - B1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Tây Tiến bằng cách cho HS:   * Xem chân dung Quang Dũng * Xem một đoạn bài hát Tây Tiến ( nhạc Phạm Duy), bài hát Đồng chí ( thơ Chính Hữu)   - B2: HS thực hiện nhiệm vụ:  - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Thơ kháng chiến chống Pháp 1946-1954 đã để lại thành tựu xuất sắc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt là đề tài người lính. Bên cạnh bài Đồng chí của nhà thơ Chính Hữu mà các em đã học trong chương trình Ngữ văn 9, ta thấy còn có một bài thơ rất thành công với cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng. Đó là bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay. | - HS quan sát tranh  - Nghe bài hát |

**🕮 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | |
| **1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm (10 phút).** | | |
| **\* Thao tác 1: GV hướng dẫn tìm hiểu tác giả**  - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ:  Dựa vào phần tiểu dẫn, hãy nêu những *nét khái quát về nhà thơ Quang Dũng và bài thơ Tây Tiến?*  - B2: HS thực hiện nhiemj vụ  - B3: HS báo cáo sản phẩm  - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức  \* **Thao tác 2: GV hướng dẫn tìm hiểu chung về văn bản**  **- B1**: GV chuyển giao nhiệm vụ ( HS làm việc cá nhân)  *Nêu HCST bài thơ*  *Đặc điểm binh đoàn TT*  *Đọc bài thơ* *chú ý âm hưởng, sắc thái tình cảm, cảm xúc từng đoạn.*  *Phân chia bố cục bài thơ*  - **B2**: HS thực hiện nhiệm vụ  - **B3**: HS báo cáo sản phẩm  *Đặc điểm đoàn quân Tây Tiến :*   * Thành lập năm 1947, Quang Dũng là đại đội trưởng. * Nhiệm vụ : Phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào. * Địa bàn : Đồi núi Tây Bắc Bộ Việt Nam và Thượng Lào. * Thành phần : Sinh viên, học sinh, dân lao động thành thị thuộc mọi ngành nghề khác nhau. * Điều kiện sống :Gian khổ, thiếu thốn.   -Tinh thần: Hào hùng, lãng mạn – lạc quan, yêu đời.  - **B4**: GV nhận xét, chốt kiến thức  GV nói them về số phận bài thơ | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Tên thật : Bùi Đình Diệm (1921 – 1988).   * Quê hương: Phượng Trì - Đan Phượng – Hà Tây. * Cuộc đời :   + Là người đa tài: Làm thơ, viết văn, vẽ tranh …  + Được biết nhiều với tư cách là nhà thơ.  + Phong cách sáng tác: vừa hồn nhiên vừa tinh tế, lãng mạn và hào hoa.  - Sáng tác chính: Mây đầu ô (1968), Thơ văn Quang Dũng (1988)  **2. Văn bản:**  ***a. Hoàn cảnh sáng tác :***   * Trích tác phẩm “Mây đầu ô”. * Viết vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh (Hà Tây), khi Ông đã chuyển sang đơn vị khác và nhớ về đơn vị cũ là đoàn quân Tây Tiến. * Đặc điểm đoàn quân Tây Tiến   ***b. Bố cục :***  - Phần 1: 🡪 Nhớ con đường hành quân trên cái nền thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ.  - Phần 2: 🡪 Nhớ kỉ niệm ấm áp tình quân dân và cảnh sông nước miền tây thơ mộng.  - Phần 3: 🡪 Nhớ hình tượng người lính Tây Tiến  - Phần 4: 🡪 Tấm lòng và sự gắn bó với Tây Tiến. | |
| **2. GV hướng dẫn HS đọc đoạn 1 ( 15 phút)** | | |
| **\* Thao tác 1 :** **– Hướng dẫn HS đọc và cảm nhận đoạn**1: – HS: Đọc đoạn 1 của bài thơ – GVsử dụng kiến thức môn địa lý, kết hợp trình chiếu giới thiệu về dòng sông Mã: Hình ảnh Sông Mã + 2 câu thơ đầu. – GV:Khơi nguồn cho mạch cảm xúc của bài thơ là gì? Câu thơ nào thể hiện cảm xúc đó? ( Hai câu mở đầu bài thơ đã nhắc tới cảm xúc bao quát toàn bài. Cảm xúc đó là gì? được thể hiện ntn?) HS**:**Học sinh xác định cảm xúc – nỗi nhớ, thể hiện trong hai câu thơ đầu. GV: Những biện pháp NT nào được sử dụng ở hai câu đầu? Tác dụng trong việc thể hiện nỗi nhớ, cảm xúc của nhà thơ HS: Điệp từ ” nhớ”, điệp vần “ơi” -> Nhấn mạnh, khắc sâu nỗi nhớ của tác giả về đồng đội, thiên nhiên miền Tây… GV: Em hiểu thế nào là nỗi “nhớ chơi vơi”? Tâm trạng của tác giả? HS trả lời: Nhớ sâu sắc, da diết… – GV vận dụng kiến thức môn vật lý bài +MR bình khắc sâu kiến thức: + Môn Vật lý: Vật giao đông quanh vị trí cân bằng, túc vật ở trạng thái lơ lửng + Ca dao ” Ra về nhớ bạn chơi vơi”. Quang Dũng dùng từ chơi vơi diễn tả nỗi nhớ rất hay và phù hơp, đắc địa hơn bao giờ hết . Vì nỗi nhớ lơ lửng bồng bềnh như đám mây, có hình khối. Nhớ là cảm xúc nhưng với tác giả nỗi nhớ hiện ra như 1 sinh thể. Chơi vơi, bồng bềnh, chập chờn trong tâm trí tưởng như rất nhẹ nhưng thực chất lại nặng vô cùng của tâm trạng trống trải của thực tại. Nhớ luôn lơ lửng, ko quên, luôn ám ảnh -> Nhớ sâu sắc, mãnh liệt, da diết. Bởi thế nỗi nhớ vượt cả không gian, thời gian trở về hoài niệm trong tiềm thức…     ***GV dùng  KT khăn trải bàn, hỏi – đáp, thuyết trình***   – GV: Trình chiếu câu hỏi: *Bức tranh thiên nhiên và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hiện ra như thế nào ở đoạn mở đầu? Biện pháp nghệ thuật?* *Gv phân nhóm hoạt động:* *+ Nhóm 1: Bức tranh thiên nhiên miền Tây hiện ra qua những chi tiết, hình ảnh nào ở đoạn mở đầu? Biện pháp nghệ thuật?* *+ Nhóm 2: Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến được tái hiện  như thế nào? Biện pháp nghệ thuật?* – HS thảo luận nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập và đại diện nhóm trả lời. – Lớp theo dõi ,nhận xét, bổ sung. – GV kết hợp trình chiếu ngữ liệu thơ. Theo dõi HS trả lời, định hướng tiếp cận và khắc sâu kiến thứcua câu hỏi và giảng, bình. – Gợi mở cho HS phân tích làm rõ giá trị nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ. – Diễn giảng bình thêm giá trị biểu đạt của một vài chi tiết thơ giúp hs cảm thụ sâu. – Vận dụng bài học về kỉ năng nghị luận về một bài thơ để khai thác giá trị đoạn thơ ( Từ láy: Khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút đều tả độ cao theo hướng nhìn lên trong cuộc hành trình.Khổ thơ là một bằng chứng về “Thi trung hữu hoạ”-> Gợi tả mặt dốc lồi lõm, nhấp nhô, khúc khuỷu, càng lên cao càng dựng đứng hun hút, thăm thẳm như lên đến đỉnh trời, chót vót chênh vênh giữa mây trời, như sắp chạm đến đỉnh trời!-> Gợi bao nỗi vất vả nhọc nhằn nhưng cũng không kém phần thú vị, tinh nghịch)      GV: Cảm nhận khái quát về TN miền Tây? Nhận xét về con đường hành quân của người lính? HS trả lời: TN hùng vĩ, dữ dội; con đường hành quân gian khổ, nhọc nhằn   GV: Bằng kiến thức có được trong bài học và kiến thức thực tiễn, các em đang sống trên chính nơi Tây Tiến hành quân đi qua, cuộc sống hôm nay còn những khó khăn nào? Cách ứng xử trước khó khăn đó? HS trả lời      **Nhóm 2**: *Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến được tái hiện  như thế nào? Biện pháp nghệ thuật?* **KT khăn trải bàn**   GV gọi HS trình bày phần thảo luận nhóm. – HS trình bày, thảo luận, bổ sung   ( *Tác giả tả thực về sự hi sinh mất mát: Gợi cảm giác cái chết như lẫn vào bức tranh chung của những gian khổ nhọc nhằn. Người chiến sĩ như đột ngột dừng chân trong cuộc hành trình của đơn vị. Câu thơ gợi một kí ức buồn trên những chặng đường hành quân của bộ đội TT)* – GV: Gợi mở cho HS phân tích làm rõ giá trị nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ; giảng, chốt kiến thức.    GV: Hai câu kết đã gợi nhắc tới kỉ niệm nào? Tâm trạng của người lính thể hiện ra sao..? HS trả lời: *GV:****Liên hệ :*** “Nhà lá đơn sơ nhưng tấm lòng rộng mở. Nồi cơm nấu dở bát nước chè xanh. Ngồi vui kể chuyện tâm tình bên nhau”. ***(Bao giờ trở lại – Hoàng Trung Thông)*** GV: Hãy khái quát nội dung, nghệ thuật đoạn thơ? HS trả lời: **GV sử dụng KT trình bày một phút** GV: Theo em điều quan trọng nhất em có được trong tiết học này là gì? Em còn băn khoăn điều gì về bài học không? HS trả lời: Kiến thức về Tây Tiến, bài học cho bản thân… | | **II. Đọc–hiểu:** 1. **Đoạn 1 : Nỗi nhớ về những chặng đường hành quân của bộ đội Tây Tiến và khung cảnh núi rừng miền Tây.** a. Hai câu thơ mở đầu:  “ Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!  Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi.” – Câu 1: nhắc tới 2 danh từ – điểm về, nơi đến của nỗi nhớ. + Hình ảnh “Sông Mã”: con sông gắn với đời lính -> như gợi thức nỗi nhớ ùa về trong tâm hồn nhà thơ. + Tây Tiến: Đoàn binh + Ngắt nhịp 4/3 => C1 với tiếng gọi đầu tiên là tiếng gọi đồng đội.   – C2 với NT: Điệp từ ” nhớ” (2 lần), từ láy ” chơi vơi”, điệp âm ” ơi” ( 3 lần) -> Hiệu quả đặc biệt: Tạo tính nhạc, hình tượng hoá nỗi nhớ. + Nhớ rừng núi: Không gian mênh mông của miền Tây. + Nhớ “chơi vơi” ( 2 thanh bằng, nhẹ, lan toả) -> gợi cảm giác nỗi nhớ vô hình, vô lượng, không thể đo đếm, nhớ mơ hồ, đầy ám ảnh, nỗi nhớ luôn lơ lửng, âm ắp khôn nguôi   Cảm xúc chủ đạo của đoạn thơ, bài thơ là nỗi nhớ  **b. Thiên nhiên miền Tây – con đường hành quân** . \*BPNT liệt kê nhác tới một loạt các địa danh ở miền Tây ấn tượng, khó quên trong đời lính: **– Sương rừng**: ở Sài  Khao, Mường Lát: tên đất lạ lẫm, gợi 1 vùng xa xôi, hẻo lánh, bản làng, vùng đất người lính đã đi qua. + *sương lấp đoàn quân mỏi ­­-> Sưong rừng mờ ảo, phủ dày đặc che kín như vùi lấp cả đoàn quân/ Màn sương mờ của kỉ niệm – nỗi nhớ thương* ***+ Đoàn quân mỏi*** *->*gợi một cuộc hành quân dãi dầu đầy gian khổ của những người lính Tây Tiến + Hình ảnh “ hoa về trong đêm hơi” là hoa của thiên nhiên hay con người? Chỉ biết rằng nó gợi một cảm giác nhẹ nhàng, êm ả, đẩy lùi nỗi nhọc nhằn của người lính Tây Tiến trong cuộc hành quân.  **– Dốc núi, vực sâu:** ( ba câu thơ tiếp) **+ NT sử dụng nhiều từ láy**: ” khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút”; điệp từ “dốc” ->diễn tả sự hiểm trở với những con đường quanh co, gập ghềnh , đứt đoạn của núi rừng Tây Bắc. **+ NT nhân hoá** “súng ngửi trời”, phép đảo” hun hút cồn mây” -> Nhấn mạnh cảm giác hoang vắng, trống trải nơi người lính đi qua chưa một dấu chân người. Đây là cách nói tinh nghịch, súng trở nên có hồn. + NT tương phản, điệp từ ” ngàn thước”: “Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống” -> Câu thơ như bẻ gãy làm đôi làm cho người đọc như thấy được rất rõ chiều cao của núi, độ cao chót vót của dốc, sâu hun hút của vực. Con đường gập khúc đột ngột hiểm trở hun hút Sử dụng từ láy giàu chất tạo hình, gợi tả, gợi cảm; những câu thơ toàn thanh trắc đã phác hoạ một bức tranh hoành tráng với tất cả sự hiểm trở và dữ dội, hoang vu và heo hút của núi rừng miền Tây ( thi trung hữu hoạ) –  **Mưa rừng:** “*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”* **+ NT:** Tất cả âm tiết là thanh bằng, không thanh, âm mở ( chữ cái tận cùng là nguyên âm); ẩn dụ ” khơi” – biển mưa -> Không gian mênh mông chìm trong biẻn mưa, mưa nguồn suối lũ. + “Nhà ai”: vừa phiếm chỉ, vừa nghi vấn -> Người lính dừng chân nghỉ ngơi ở thung lũng mưa, đưa mắt nhìn và thấy ngôi nhà thấp thoáng. Hình ảnh mang cảm giác chạnh lòng nhớ vể gia đình, người thân; ấm áp, yên bình như được an ủi trên đường hành quân của chàng lính xa nhà. – **Núi rừng qua nét vẽ ấn tượng:** *“Chiều chiều oai linh thác gầm thét* *Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”* **+ NT nhân hoá :** ” Thác gầm, cọp trêu” -> gợi tả dữ dội, hoang sơ, bí hiểm và đầy đe dạo của núi rừng miền Tây. + **Thanh**: 2 thanh trắc âm vực cao ” thác thét”; 2 thanh nặng âm vực thấp ” hịch cọp” -> sự de doạ nặng nề của thú dữ ở vùng thấp tối + Từ láy ” chiều chiều, đêm đêm” -> tuần hoàn, lặp lại, vĩnh hằng của thời gian.  Núi rừng miền Tây là nơi ngự trị muôn đời của sức mạnh TN dữ dội, bí hiểm ===> TK: Qua bút pháp hiện thực và lãng mạn khắc hoạ TN miền Tây dữ dội, hiểm trở, hùng vĩ, thơ mộng. Đó cũng là con đường hành quân vô cùng gian khổ mà người lính đã đi qua.  **c. Nỗi nhớ về đồng đội trong đoàn quân Tây Tiến:** \*.  **Hồn nhiên, tinh nghịch**: súng ngửi trời, cọp trêu người (chất lính ). \*. Kí ức về người lính trên đường hành quân: “ *Anh bạn dãi dầu không bước nữa* *Gục lên súng mũ bỏ quên đời.”* *+ Anh bạn:*gọi đồng đội tình cảm thân thiết, gắn bó. *+*Từ láy*dãi dầu:*vất vả, khó khăn, nhọc nhằn mà người lính phải đối mặt, vượt qua trên đường hành quân. + *Không bước nữa, bỏ quên đời:* Có thể hiểu là nghỉ ngơi buông mình vào giấc ngủ vô tư lự trẻ trung/ có thể hiểu kiệt sức – xót xa/ có thể hiểu là cái chết nhẹ nhõm quên đời *–>*Nổi bật chất bi tráng, thể hiện vẻ đẹp ngang tàng, anh dũng, ngạo nghễ, bi mà không luỵ, tinh nghịch bông đùa với cái chết, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng,  **\*. Hai câu kết đoạn thơ: KN một lần dừng chân ở Mai Châu :** **+ *Nhớ ôi*:** sắc thái cảm thán của cảm xúc trào dâng mãnh liệt. + Tập hợp cảm nhận bằng thị giác, khứu giác ( *khói, nếp xôi)* **+ *Mùa em****:* mùa lúa chín; liên tưởng xao xuyến nồng nàn trước nụ cười rặng rỡ, ánh mát sóng sánh từ tình người miền tây =>Gợi không khí đầm ấm tình quân dân, như xua đi bao mệt mỏi của cuộc hành trình,tạo cảm giác êm dịu, ấm áp. ***TK: Bằng bút pháp hiện thực kết hợp cảm hứng lãng mạn; chát hoạ kết hợp với chất nhạc đoạn thơ đã dựng lại con đường hành quân giữa núi rừng Tây Bắc hiểm trở, khắc nghiệt, hùng vĩ, thơ mộng. Ở đó đoàn quân Tây Tiến hào hùng đã trải qua cuộc hành quân đầy gian khổ nhưng cũng ấm áp tình người.*** |
| **3: Gv hướng dẫn HS đọc hiểu đoạn 2 ( 15 PHÚT)** | | |
| ***Mục tiêu:****Nắm được vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn, oai phong, lẫm liệt của người lính Tây Tiến, cảnh sông nước Miền tây thơ mộng. Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. Có thái độ trân trọng, yêu quý anh bộ đội cụ Hồ, có ý thức trách nhiệm với đất nước.* *HS phát triển năng lực: Năng lực chuyên môn, năng lực làm việc theo nhóm.* ***Phương pháp:****Phát vấn, thảo luận nhóm; kĩ thuật công não, phòng tranh.* ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.*** – Câu hỏi: *Kỉ  niệm vui tươi hào hứng của tình quân dân được mt qua những chi tiết nào?Cảnh sông nước miền Tây Bắc được miêu tả như thế nào?* *-Nhận xét về nghệ thuật?* ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập*** HS dựa vào sgk và hiểu biết của bản thân suy nghĩ trả lời ra giấy nháp. ***Bước 3: Báo cáo kết quả học tập****:* GV gọi hs trả lời, gọi hs khác  nhận xét. ***Bước 4: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** – **GV** nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kt                                            ***3..3. GV hướng dẫn HS đọc đoạn 3 của văn bản*** **GV chia lớp thành 4 nhóm** ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.*** Nhóm 1: Vẻ đẹp kiêu hùng ( dung mạo bề ngoài) của lính Tây Tiến. Nhóm 2: Vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn của lính Tây Tiến. Nhóm 3: Tinh thần hi sinh của các anh. Nhóm 4: Bút pháp nghệ thuật miêu tả.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập*** **–**Dựa vào sgk, thảo luận, ghi sản phẩm ra bảng phụ, gv quan sát hỗ trợ hs các nhóm ***Bước 3: Báo cáo kết quả học tập****:* – Gọi đại diện nhóm HS báo cáo sản phẩm, – HS nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, ***Bước 4: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** – **GV** nhận xét, đánh giá, bổ sung – GV kết luận.                                                             ***3.4. GV hướng dẫn HS đọc đoạn 4 của văn bản*** – GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.*** – Tinh thần chung của một thời Tây Tiến được tác giả tô đậm bằng hình ảnh nào? ( Nhóm 1) –  Em có nhận xét gì về nhịp điệu và giọng điệu của đoạn thơ?( Nhóm 2) – Tác dụng của việc đưa địa danh vào khổ thơ?( Nhóm 3) – Nhận xét đoạn 4(Nhóm 4) ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập*** **–**Dựa vào sgk, thảo luận, ghi sản phẩm ra bảng phụ, gv quan sát hỗ trợ hs các nhóm ***Bước 3: Báo cáo kết quả học tập****:* – Gọi đại diện nhóm HS báo cáo sản phẩm, – HS nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, ***Bước 4: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** **GV** nhận xét, đánh giá, bổ sung  **III. Hoạt động 3: Tổng kết, luyện tập.** **\* Tổng kết:** ***Hình thức***: HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: ***Mục tiêu:****Hs nắm được những nét cơ bản nhất về nd và nt của bài thơ.* ***Phương pháp****: Phát vấn, kĩ thuật trình bày1 phút* ***Bước 1:*** GV yêu cầu: Xác định nội dung chính của bài thơ?Qua bài thơ, em hiểu gì về tình cảm của tác giả? – Nêu những nét nghệ thuật đặc sắc trong thơ Quang Dũng? ***Bước2:***HS suy nghĩ trả lời ra giấy nháp. ***Bước 3:***GV gọi hs trả lời, gọi hs khác  nhận xét. ***Bước 4:***– GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại | | **3.2 Đoạn 2: *Những kỷ niệm đẹp của tình quân dân và cảnh sông núi miền Tây đầy thơ mộng của Tổ quốc*** a) ***Cảnh đêm liên hoan văn nghệ*** – Khi màn đêm buông xuống cũng là lúc đêm liên hoan văn nghệ bắt đầu. *Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa* + Chữ **“*bừng***”: vừa diễn tả không khí tưng bừng, sôi nổi của đêm văn nghệ, vừa tỏa sáng không gian, xua đi màn đêm bóng tối. + Hai chữ “***đuốc hoa*”:** chỉ ngọn đuốc thắp sáng trong đêm văn nghệ, vừa chỉ ngọn đuốc thắp sáng trong đêm tân hôn. Ý thơ thể hiện sự tinh nghịch của chàng trai Tây Tiến. – Hình ảnh của “*em*” chính là trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ: *Kìa em xiêm áo tự bao giờ* *Khèn lên man điệu nàng e ấp* *Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ* + Đó là cô gái dân tộc dịu dàng, duyên dáng (**e ấp),** trong trang phục dân tộc (xiêm áo), trong vũ điệu dân tộc **“*man điệu***”. Vẻ đẹp của em đã thu hút sự chú ý của các chàng trai Tây Tiến. + Hai chữ **“*kìa em*”** biểu lộ sự ngõ ngàng đến ngạc nhiên của chàng trai Tây Tiến trước vẻ đẹp của cô gái. + Âm thanh của tiếng khèn, cảnh vật và tình quân dân ấm áp đã thăng hoa cảm xúc của người nghệ sĩ: “*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*”. **b) *Cảnh sông nước Tây Bắc.*** Nếu đêm liên hoan văn nghệ đem đến cho người đọc không khí say mê ngây ngất, thì cảnh sông nước Tây Bắc gợi cảm giác mênh mang huyền ảo: *Người đi Châu Mộc chiều sương ấy* *Có thấy hồn lau nẻo bến bờ* *Có nhớ dáng người trên độc mộc* *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.* + Nhà thơ không tả mà chỉ gợi. Vậy mà cảnh vẫn hiện lên thơ mộng. + Không gian của buổi chiều giăng mắc một màn sương – “chiều sương”. + Bông hoa lau như có hồn, phảng phất trong gió. + Bến bờ tĩnh lặng, hoang dại như thời tiền sử. + Bông hoa rừng không “đung đưa” mà “đong đưa” như làm duyên với cảnh, với người. – Trên dòng sông ấy là hình ảnh một cô gái duyên dáng, uyển chuyển, khéo léo trên chiếc thuyền độc mộc, giữa dòng nước lũ. Hình ảnh đó tạo nên một vẻ đẹp lãng mạn cho bức tranh thơ mộng của núi rừng Tây Bắc. – Ngòi bút tài hoa của Quang Dũng thể hiện tập trung ở đoạn này, chất nhạc hòa quyện chất thơ. Vì thế, Xuân Diệu có lí khi cho rằng: “Đọc đoạn thơ này như ngâm nhạc trong miệng”. => Bằng bút pháp lãng mạn, Quang Dũng đã vẽ ra bức tranh thiên nhiên thơ mộng, duyên dáng, mĩ lệ của núi rừng Tây Bắc.  ***3.3 Đoạn 3: Chân dung người lính Tây Tiến.*** Đoạn thơ khắc họa hình ảnh đoàn quân Tây Tiến vừa kiêu hùng, vừa lãng mạn, vừa bi tráng. a**) *Vẻ đẹp kiêu hùng của lính Tây Tiến*** – Chân dung của người lính Tây Tiến được vẽ bằng nét bút khác lạ: *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc* *Quân xanh màu lá dữ oai hùm* + Người lính Tây Tiến chiến đấu trong điều kiện thiếu thốn gian khổ, bệnh sốt rét hoành hành làm cho mái tóc xanh hôm nào rụng hết (không mọc tóc) và hậu quả của bệnh sốt rét rừng đã để lại làn da xanh xao như “màu lá”. Nhưng dưới ngòi bút của Quang Dũng những mái đầu *không mọc tóc,*màu nước da xanh như màu lá lại có vẻ đẹp kiêu dũng, oai phong của con hổ nơi rừng thiêng. Dường như họ xem thường mọi khổ ải, thiếu thốn. – Nét độc đáo trong cách miêu tả của nhà thơ là không miêu tả cụ thể một gương mặt nào của người lính Tây Tiến mà tập trung khắc họa rõ nét mặt chung của cả đoàn quân Tây Tiến. + Hai chữ “*đoàn binh*” tạo một âm hưởng mạnh mẽ, dứt khoát còn hình ảnh “*không mọc tóc*” lại gợi lên nét ngang tàng của người lính Tây Tiến. – Thơ ca kháng chiến khi viết về người lính thường nói đến căn bệnh sốt rét hiểm nghèo. Quang Dũng không hề che dấu những gian khổ đó nhưng ông không miêu tả một cách trần trụi mà qua một cái nhìn đậm màu sắc lãng mạn. **b) *Vẻ đẹp lãng mạn*** – Những chàng trai Tây Tiến không chỉ có vẻ đẹp oai hùng cuả con hổ nơi rừng thiêng mà còn có tâm hồn lãng mạn: *Mắt trừng gửi mộng qua biên giới* *Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm* Cái nhìn nhiều chiều đã giúp nhà thơ nhìn qua cái dằn dữ ***mắt trừng***của họ là những tâm hồn, trái tim rạo rực yêu thương. Họ chiến đấu trong điều kiện gian khổ nhưng vẫn mơ về Hà Nội. Ở đó có dáng hình của người đẹp “dáng kiều thơm”. Hình bóng người đẹp ở quê hương là động lực tinh thần thúc giục các anh cầm súng tiêu diệt kẻ thù. **c) *Vẻ đẹp bi tráng*** – Viết về người lính Tây Tiến, Quang Dũng không hề che dấu cái bi, nhưng cái bi lại được nâng đỡ bằng đôi cánh lãng mạn làm cho cái bi trở thành bi tráng: + Hình ảnh những nấm mồ rái rác nơi biên cương, viễn xứ gợi một cảm xúc bi thương. + Hình ảnh “***đời xanh*”** là biểu tượng cho tuổi trẻ đặt sau chữ “*chẳng tiếc*” thể hiện tinh thần tự nguyện, sẵn sàng vượt lên cái chết hiến dâng cả sự sống, tuổi trẻ cho nghĩa lớn của dân tộc. + Người lính Tây Tiến khi chết chỉ có manh chiếu (thậm chí không có) quấn thân nhưng tác giả đã thay vào đó tầm *áo bào*sang trọng. Và khúc nhạc tiễn đưa anh là âm thanh gầm réo của dòng sông Mã. Sự thật bi thương vậy mà dưới ngòi bút của Quang Dũng, người lính Tây Tiến vẫn chói ngời vẻ đẹp lý tưởng và mang dáng dấp của những tráng sĩ thuở xưa. – Tinh thần xả thân của người lính Tây Tiến được diễn đạt bằng những từ Hán Việt hết sức trang trọng: *biên cương, viễn xứ, chiến trường, áo bào, độc hành…*Cách nói giảm nói tránh “*về đất*” làm mờ đi cái bi thương rồi bị át hẳn trong cái âm thanh của dòng sông Mã. Âm thanh đó làm cho sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bi lụy mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. è Bằng bút pháp lãng mạn nhà thơ đã khắc họa thành công bức chân dung tượng đài bằng ngôn từ về đoàn quân Tây Tiến. ***3.4 Đoạn 4: Lời thề và lời hẹn ước*** – Nhớ đến Tây Tiến, tác giả nhớ đến tháng ngày đẹp đẽ, hào hùng say mê: *Tây Tiến người đi không hẹn ước* *Đường lên thăm thẳm một chia phôi* + Hình ảnh “*người đi không hẹn ước*” thể hiện tinh thần chung của Tây Tiến. – Xa Tây Tiến nhưng tâm hồn, tình cảm nhà thơ vẫn gửi lại nơi ấy, những nơi mà đoàn quân Tây Tiến đã đi qua. – Nhịp thơ chậm, giọng điệu thơ buồn nhưng linh hồn của đoạn thơ vẫn toát lên vẻ hào hùng. – Các địa danh được nói tới tạo ấn tượng về tính cụ thể, xác thực của thiên nhiên, cuộc sống con người. è Đoạn kết gợi lại không khí của một thời Tây Tiến một đi không trở lại.  **4. Tổng kết- Luyện tập** **\*Tổng kết:** – Kết hợp giữa chất thơ, chất nhạc, chất họa.*Tây Tiến*là một bài thơ toàn bích. Bài thơ đã tái hiện được vẻ hùng vĩ, thơ mộng của núi rừng Tây Bắc, vẻ đẹp lãng mạn và tinh thần bi tráng của đoàn quân Tây Tiến. Qua bài thơ, ta thấy tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó với đoàn quân Tây Tiến của tác giả. – Bài thơ kết tinh nhiều sáng tạo nghệ thuật của tác giả: bút pháp tạo hình đa dạng, ngôn ngữ vừa quen thuộc, vừa độc đáo, vừa có nét cổ kính vừa mới lạ; bút pháp lãng mạn và tinh thần bi tráng. |

**🕮 3.LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **-B1: GV giao nhiệm vụ:**  Câu hỏi 1: Câu thơ : “Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm“ ngắt nhịp thế nào là phù hợp nhất với ý thơ? a. Nhịp 4/1/2 b. Nhịp 2/2/1/2  c. Nhịp 2/2/3  d. Nhịp 4/3    Câu hỏi 2: Hai câu thơ “ Mắt trừng gửi mộng qua biên giới/*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”* a.   Chí khí của người lính Tây Tiến b. Đời sống tình cảm của lính Tây Tiến  c. Cái chí và cái tình của người lính  d. Lòng căm thù quân giặc và nỗi buồn nhớ về Hà Nội  Câu hỏi 3: Dòng nào chưa nói đúng về nội dung chính ở đoạn thơ  thứ 3 của bài Tây Tiến ? a.   Ngoại hình và đời sống nội tâm của người lính b. Cái tình và cái chí của người lính c. Sự giằng xé giữa lí tưởng cao đẹp và tình cảm sâu nặng của người lính d. Sự hi sinh kiêu hùng của người lính  Câu hỏi 4: Dòng nào không đúng nói về nội dung bốn câu thơ cuối đoạn ba của bài thơ Tây Tiến ? a. Nói về cái cốt cách đa tình của người lính Tây Tiến b. Thể hiện lí tưởng sống cao đẹp của người lính c. Diễn tả sự hi sinh cao cả , lẫm liệt của người lính d. Khẳng định sự bất tử của người lính đã hi sinh.  - **B2:** HS thực hiện nhiệm vụ:  - **B3**: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **- B4:** Gv nhận xét, chốt kiến thức | b. Nhịp 2/2/1/2  c. Cái chí và cái tình của người lính  c. Sự giằng xé giữa lí tưởng cao đẹp và tình cảm sâu nặng của người lính  a. Nói về cái cốt cách đa tình của người lính Tây Tiến |

**🕮 4.VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- B1: GV giao nhiệm vụ:**  *“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,*  *Kìa em xiêm áo tự bao giờ*  *Khèn lên man điệu nàng e ấp*  *Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*  *Người đi Châu Mộc chiều sương ấy*  *Có thấy hồn lau nẻo bến bờ*  *Có nhớ dáng người trên độc mộc*  *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*”.  Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng gì của tác giả?  2. Các từ “*xiêm áo*”, “*khèn*”,“*man điệu*”, “*e ấp*” có vai trò gì trong việc thể hiện những hình ảnh vẻ đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến?  3. Câu thơ *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*  được sử dụng nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.  - **B2**: HS thực hiện nhiệm vụ:  - **B3:** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **- B4:** GV nhận xét, chốt kiến thức | 1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng của tác giả : đó là nỗi nhớ những kỉ niệm về tình quân dân trong đêm liên hoan văn nghệ và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.  2/ Các từ “*xiêm áo*”, “*khèn*”,“*man điệu*”, “*e ấp*” có vai trò trong việc thể hiện những hình ảnh vẻ đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến :  a/ Vẻ đẹp thể hiện bản sắc dân tộc, nhất là văn hoá miền núi. Đó là vẻ đẹp của các cô gái Tây Bắc trong trang phục lạ: ***xiêm áo***, vừa e thẹn, vừa tình tứ trong một vũ điệu lạ: ***man******điệu***, nhạc cụ lạ : ***khèn*,**dáng điệu lạ: ***e ấp****.*  b/ Tâm trạng người lính: vừa ngạc nhiên, vừa đắm say trong tiến khèn, điệu múa.Tâm hồn các anh vẫn phơi phới niềm lạc quan yêu đời, đầy ắp niềm vui và mộng mơ, quên đi bao nỗi nhọc nhằn, gian khổ.  3/ Câu thơ *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*  được sử dụng nghệ thuật đối lập. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ : gợi vẻ đẹp hoang sơ, vữa dữ đội, vừa thơ mộng của núi rừng, đồng thời thể hiện bút pháp “*thi trung hữu hoạ*” ( trong thơ có hoạ) của Qung Dũng. |

**🕮 5. MỞ RỘNG VÀ SÁNG TẠO**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **-** B1: GV giao nhiệm vụ:  *1. Vẽ bản đồ tư duy bài thơ Tây Tiến.*  *2. Phác hoạ bằng hình ảnh đoàn quân Tây Tiến*  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ:  - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **-** B4: GV nhận xét, chốt kiến thức | 1. Sử dụng phần mềm Imindmap để vẽ 2. Vẽ hình ảnh |

**Củng cố** : nắm được nội dung của bài học

**Dặn dò**: học bài và soạn bài: nghị luận bàn về một ý kiến văn hoc.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………